

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 아동·청소년의 성보호에 관한 법률 시행규칙 [별지 제10호의2서식] <개정 2022. 3. 14.>

■ Thông tư hướng dẫn Luật Bảo vệ trẻ em và thanh thiếu niên trước tội phạm tình dục [Mẫu đính kèm số 10-2]

<Sửa đổi 2022. 3. 14.>

(앞쪽)

(Mặt trước)

성범죄 경력 및 아동학대관련범죄 전력 조회 동의서

ĐƠN ĐỒNG Ý VIỆC TRA CỨU LÝ LỊCH PHẠM TỘI TÌNH DỤC VÀ TỘI PHẠM TỘI LIÊN QUAN ĐẾN BẠO HÀNH TRẺ EM

	성명(외국인의 경우 영문으로 작성) Họ tên (trường hợp người nước ngoài, điền tiếng Anh)
대상자 Đối tượng	주민등록번호(외국인의 경우 외국인등록번호/국적) Số chứng minh thư Hàn (trường hợp người nước ngoài, điền số đăng ký người nước ngoài/quốc tịch)
	연락처(휴대전화 등) Số điện thoại (số di động)

본인은 ○○기관(시설)(예: 유치원, 어린이집, 아동복지시설, 청소년쉼터, 청소년활동시설, 의료기관 등)의 취업자등으로서 「아동·청소년의 성보호에 관한 법률」 제56조, 같은 법 시행령 제25조 및 같은 법 시행규칙 제8조제3항에 따른 성범죄 경력 조회와 「아동복지법」 제29조의3 및 같은 법 시행령 제26조의5에 따른 아동학대관련범죄 전력의 통합 조회에 동의합니다.

Tôi, người làm việc trong tổ chức (cơ sở) ○○ (ví dụ: trường mẫu giáo, trường mầm non, cơ sở phúc lợi trẻ em, mái ấm thanh thiếu niên, cơ sở hoạt động thanh thiếu niên, cơ sở y tế,...), đồng ý việc tra cứu tổng hợp về lý lịch phạm tội tình dục theo Điều 56 “Luật Bảo vệ trẻ em và thanh thiếu niên trước tội phạm tình dục”, Điều 25 Nghị định hướng dẫn Luật này, khoản 3 Điều 8 Thông tư hướng dẫn Luật này và tra cứu tổng hợp về phạm tội liên quan đến bạo hành trẻ em theo Điều 29- 3 “Luật Phúc lợi trẻ em” và Điều 26-5 của Nghị định hướng dẫn Luật này.

년 월 일
Năm tháng ngày

동의자
Người đồng ý

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

경찰서장 귀하
Kính gửi Giám đốc Sở Cảnh sát

유의사항
Nội dung lưu ý

- 210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]

(뒤쪽)
(Mặt sau)

(뒤쪽)
(Mặt sau)

[illegible]

[illegible]